

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-PT

Ngày 18/3/2025

“*V/v Tranh chấp đòi tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thuận

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Như Mai,

Bà Dương Thị Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:* Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2024/QĐXX-PT ngày 27 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐ-PT ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phan Như Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: F N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: C L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Tiến . Địa chỉ: A A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy ủy quyền lập ngày 12/6/2023. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Như Q:* Ông Đặng Nguyễn Duyên A – Công ty L4 - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: A A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Đoàn Thị Kim T, sinh năm 1974. Địa chỉ: F N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1969. Địa chỉ: B, P, phường G, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy ủy quyền lập ngày 25/10/2022. Có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Bùi Ngọc S. Địa chỉ F N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Chị Đặng Minh T1. Địa chỉ: C H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Thanh H. Địa chỉ: C L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Công ty TNHH M1. Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc S, chức vụ: giám đốc. Địa chỉ F N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Như Q và đại diện theo ủy quyền của bà Phan Như Q, ông Đặng Tiến trình B:*

Do mối quan hệ quen biết và vì cần tiền để làm ăn kinh doanh cho nên bà Đoàn Thị Kim T đã vay mượn của bà Phan Như Q 04 lần, các lần cụ thể như sau:

- Vào ngày 23 tháng 04 năm 2018 âm lịch (tức là ngày 6/6/2018 dương lịch) (Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ số 4) bà Đoàn Thị Kim T vay mượn bà Phan Như Q số tiền là: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng);

- Vào ngày 25 tháng 04 năm 2018 âm lịch (tức là ngày 08/6/2018 dương lịch) (Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ số 1) bà Đoàn Thị Kim T vay mượn bà Phan Như Q số tiền là: 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng);

- Vào ngày 26 tháng 04 năm 2018 âm lịch (tức là ngày 9/6/2018 dương lịch) (Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ số 2) bà Đoàn Thị Kim T vay mượn bà Phan Như Q số tiền là: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng);

Vào cùng ngày 26 tháng 4 năm 2018 âm lịch (tức là ngày 9/6/2018 dương lịch) (Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ 3) bà Đoàn Thị Kim T tiếp tục vay mượn bà Phan Như Q số tiền là: 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng);

Như vậy, tổng số tiền gốc mà bà Đoàn Thị Kim T vay mượn bà Phan Như Q là: 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng). Việc vay tiền là không có thời hạn, khi bà Q cần lấy lại số tiền gọi cho bà T nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Q, việc không trả đầy đủ số tiền gốc mà bà T đã vay mượn đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q, vi phạm theo những điều đã cam kết thỏa thuận. Do đó, bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị Kim T phải trả cho bà Phan Như Q số tiền 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

*\*Về phía bị đơn tại các bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, đơn phản tố, đơn phản tố bổ sung bà Đoàn Thị Kim T, người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông Nguyễn Ngọc L thống nhất trình bày:*

Bà Đoàn Thị Kim T và bà Phan Như Q có quan hệ chơi hụi với nhau và vay mượn tiền, số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bà T đã hoàn trả xong, cụ thể:

Bà T đã chuyển khoản trả số tiền vay mượn là 3.600.000.000đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng) cho bà Phan Như Q thông qua các chứng từ ủy nhiệm chi, thông tin chi tiết giao dịch ngân hàng và các tài liệu tại Ngân hàng, kể từ ngày 11/6/2018 đến ngày 07/12/2021 bà T đã chuyển tổng số tiền đến số tài khoản của bà Phan Như Q là 5.320.200.000đồng (Năm tỷ ba trăm hai mươi triệu hai trăm ngàn đồng). Và khoản tiền mặt đã được bà Phan Như Q ký nhận của bà T từ ngày 20/06/2018 đến ngày 22/02/2020 số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền mà bà Phan Như Q đã nhận của bà T:  $5.320.200.000\text{đồng} + 1.700.000.000\text{đồng} = 7.020.200.000\text{đồng}$  (Bảy tỷ không trăm hai mươi triệu hai trăm ngàn đồng).

Nay bà Đoàn Thị Kim T phản tố, yêu cầu bà Phan Như Q phải trả lại cho bà Đoàn Thị Kim T số tiền 3.420.200.000đồng (Ba tỷ bốn trăm hai mươi triệu hai trăm ngàn đồng). Đây là số tiền bà T đã chuyển cho bà Q mượn sau khi đã trừ đi số tiền bà T mượn bà Q trước đó.  $(7.020.200.000\text{đồng} - 3.600.000.000\text{đ}) = 3.420.200.000\text{đồng}$ .

*\* Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn bà Phan Như Q, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất ý kiến:*

Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn: 3.600.000.000 đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng) nhưng bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn vượt quá số tiền nợ, số tiền vượt quá là 3.420.200.000 đồng cho nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bị đơn số tiền chênh lệch này. Đây là yêu cầu không có căn cứ, vì: Tất cả số tiền mà bị đơn chuyển qua tài khoản cho nguyên đơn là tiền mà bị đơn đóng hụi vì bị đơn tham gia chơi nhiều dây hụi, trải qua nhiều năm từ 2017 đến năm 2019. Các chứng cứ liên quan đến số tiền bị đơn đóng hụi, hốt hụi thì nguyên đơn đã nộp tại Tòa án và có trong hồ sơ vụ án, vì có nhiều người tham gia chơi hụi cùng bà T và biết sự việc chuyển khoản. Đối với chứng từ giao nhận tiền mặt bản phô tô nguyên đơn không thừa nhận. Ngoại trừ các bản in sao kê việc bị đơn chuyển tiền đóng hụi sống, trả nợ hụi chết cho nguyên đơn để chồng hụi cho các chân hụi còn sống thì 2 bên không có một thỏa thuận nào khác về việc chuyển tiền này cho mục đích nào khác, do vậy bị đơn phản tố yêu cầu Tòa buộc nguyên đơn trả lại số tiền chuyển chênh lệch thừa 3.420.200.000 đồng là hoàn toàn không có căn cứ.

*\*Tại hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Ngọc S, Công ty TNHH M1 trình bày:* Việc vay mượn tiền giữa bà Phan Như Q và bà Đoàn Thị Kim T không liên quan đến ông, hay Công ty đó là số tiền của bà T hoặc bà Q, nên ông S, Công ty TNHH M1 không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này và xin từ chối tham gia tố tụng.

- *Tại hồ sơ vụ án, bà Đặng Minh T1 trình bày:* Bà không liên quan gì vụ án, bà chuyển tiền cho bà Q do bà Đoàn Thị Kim T nhờ, chứ không phải tiền của bà T1, nên bà T1 xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử của Tòa án.

- *Tại hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Việc vay mượn tiền giữa bà Đoàn Thị Kim T với bà Phan Như Q không liên quan đến anh H, đó là số tiền riêng của vợ tôi bà Q và xin vắng mặt các buổi hoà giải và xét xử của Tòa án.

\* *Những người làm chứng bà Đỗ Thị Kim T3, bà Phan Thị B1, bà Nguyễn Thị Mai L1, bà Trần Thị Bích V, bà Trần Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Bá Tường L2, bà Phan Thị Yến V1, bà Văn Thị Ngọc L3, bà Trần Thị Thùy Q1 có ý kiến và bản tự khai có chung nội dung:* Những người làm chứng có mối quan hệ là cùng chơi hội với bà Phan Như Q và bà Đoàn Thị Kim T, ngoài ra không có quan hệ gì khác. Khoảng từ năm 2017 những người này có chơi hội mà bà Phan Như Q làm chủ hội, trong đây hội có bà Đoàn Thị Kim T (nhà xe M2) chơi cùng. Việc nợ nần giữa bà Q và bà T những người này không biết, quá trình chơi hội thì việc đóng hội và hốt hội có thể bằng tiền mặt, chuyển khoản nhưng không có ký nhận cũng như không ghi nội dung chuyển khoản mà chủ yếu do tin tưởng lẫn nhau bà Q chủ hội tự ghi và quản lý sổ hội.

*Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184; Điều 200; Điều 202; Điều 227; Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 280; 357; 463; 466; 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp đòi tài sản*" theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 của bà Phan Như Q, cụ thể:

- Buộc bà Đoàn Thị Kim T phải trả cho bà Phan Như Q số tiền 3.600.000.000 đồng. (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị Kim T buộc bà Phan Như Q phải trả 3.420.200.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2024, bị đơn – Bà Đoàn Thị Kim T kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của bà Phan Như Q, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị Kim T, buộc bà Phan Như Q và ông Nguyễn Thanh H (chồng bà Q) phải trả cho bà Đoàn Thị Kim T số tiền 3.420.200.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn phản tố và nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không



chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, trình bày ý kiến tranh luận cho rằng:

Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ bởi lẽ; thông qua 04 (bốn) giấy vay nợ có chữ ký của bà T thể hiện, bị đơn bà Đoàn Thị Kim T còn nợ của nguyên đơn bà Phan Như Q số tiền 3.600.000.000đ. Số tiền này bà T chưa trả cho bà Q. Đối với số tiền bà T phản tố cho rằng đã trả tổng số tiền là 7.020.000.000đ trong đó có khoản tiền 5.320.000.000đ bà T chuyển trả qua tài khoản ngân hàng, đây thực chất là tiền bà T đóng các khoản tiền nợ hụi. Đối với khoản tiền bà T cho rằng trả tiền mặt là 1.700.000.000đ, toàn bộ chứng cứ là các giấy phô tô, chưa cung cấp được bản gốc, không có cơ sở để chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Qua phân tích các chứng cứ qua giấy vay nợ, qua các tin nhắn được giám định, tài liệu được xác lập trên vi bằng, thể hiện bà T chưa trả cho bà Q số tiền 3.600.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu phản tố của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đối với đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bà Đoàn Thị Kim T có nợ bà Phan Như Q số tiền 3.600.000.000đ thể hiện qua 04 (bốn) giấy nợ có chữ ký của bà T. Tuy nhiên, bị đơn đã trả toàn bộ số tiền này cho nguyên đơn, thể hiện thông qua các tài khoản tại ngân hàng và trả tiền mặt trực tiếp với tổng số tiền là 7.020.000.000đ (*trong đó số tiền chuyển khoản là 5.320.000.000đ và số tiền trả tiền mặt là 1.700.000.000đ*). Nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền bị đơn trả tiền chơi hụi là không có căn cứ, mà đây chính là khoản tiền bà T trả nợ số tiền 3.600.000.000đ đồng thời còn trả dư cho nguyên đơn số tiền 3.420.200.000đ, nên bị đơn đã có yêu cầu phản tố chứng minh việc bị đơn đã trả nợ và yêu cầu nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền đã trả dư trên. Qua phân tích các tình tiết vụ án, đối chiếu các tài liệu do các bên cung cấp. phân tích, đánh giá đề nghị Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phần tranh luận công khai tại phiên tòa, qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ do các bên đương sự cung cấp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần đơn phản tố của bị đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 3.600.000.000đ được trừ vào số tiền bị đơn đã trả thông qua chuyển khoản. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn phải trả lại số tiền là 3.420.200.000 đồng.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Kim T được lập đúng theo thủ tục và trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Kim T:

Bà Đoàn Thị Kim T thừa nhận có vay bà Phan Như Q tổng số tiền 3.600.000.000 đồng theo 04 (bốn) giấy vay nợ như bà Q cung cấp có chữ ký của bà Đoàn Thị Kim T, nhưng bà T cho rằng đã trả cho bà Q tổng cộng 7.020.200.000 đồng, như vậy còn trả dư số tiền 3.420.200.000 đồng (*trong đó số tiền chuyển khoản là 1.720.200.000đ và số tiền trả tiền mặt là 1.700.000.000đ*). Do đó, bị đơn bà Đoàn Thị Kim T yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố buộc bà Phan Như Q phải trả lại cho bà Đoàn Thị Kim T số tiền 3.420.200.000 đồng.

Bà Phan Như Q thừa nhận có nhận của bà Đoàn Thị Kim T số tiền chuyển khoản là 5.320.200.000 đồng nhưng đây là tiền đóng hụi, bà T tham gia chơi nhiều dây hụi, trải qua nhiều năm từ 2017 đến năm 2019. Còn số tiền 1.700.000.000 đồng tiền mặt, không có giấy tờ gốc chỉ là các bản phô tô nên Nguyên đơn không thừa nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền mặt bà T trả là 1.700.000.000 đồng, có chữ ký nhận tiền của bà Q, tất cả chỉ là tài liệu bản photo, nguyên đơn không thừa nhận. Bị đơn không xuất trình được bản gốc các giấy giao nhận tiền mặt này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét các tài liệu bản phô tô mà bị đơn giao nộp, bà T dùng chứng cứ phô tô để cho rằng đã trả cho bà Q số tiền trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền chuyển khoản là 5.320.200.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Bà Phan Như Q có nhận số tiền 5.320.200.000 đồng của bà Đoàn Thị Kim T bằng hình thức chuyển khoản qua các tài khoản ngân hàng như bà Đoàn Thị Kim T trình bày. Đồng thời, các bên cũng thừa nhận có việc bà Q cho bà T vay mượn tiền nhiều lần và tham gia chơi hụi với nhau với nhiều dây hụi khác nhau từ năm 2017 đến năm 2019.

Tuy nhiên, nguyên đơn bà Phan Như Q cho rằng số tiền 5.320.200.000 đồng này là tiền bà T chuyển khoản để đóng hụi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Phan Như Q giao nộp các sổ ghi theo dõi việc chơi hụi, giấy chồng hụi đều không có chữ ký của bà Đoàn Thị Kim T, trong các chứng từ chuyển tiền của bà T không có nội dung nào ghi thể hiện trả tiền hụi; Vi bằng và đoạn ghi âm do bà Phan Như Q cung cấp có tại hồ sơ đều không có nội dung chứng minh số tiền 5.320.200.000 đồng là tiền đóng hụi trong các dây hụi của bà Q mà bà T tham gia. Vi bằng và đoạn ghi âm thể hiện bà T có nợ bà Q, nhưng không thể hiện được nợ bao nhiêu tiền, số tiền nợ cụ thể của khoản vay nào; mặt khác, bà Q cũng cho rằng bà T vẫn còn nợ mình một số tiền hụi đến nay vẫn chưa trả hết.

Bị đơn bà Đoàn Thị Kim T cho rằng số tiền 5.320.200.000 đồng này là tiền trả nợ cho bà Q theo 04 (bốn) giấy nhận nợ với tổng số tiền là 3.600.000.000 đồng. Đồng thời trong đơn phản tố bà T yêu cầu bà Q phải trả lại số tiền bà T chuyển trả dư. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đoàn Thị Kim T chứng minh được việc có chuyển cho bà Phan Như Q số tiền 5.320.200.000 đồng qua tài khoản sao kê do các ngân hàng cung cấp. Bà Q không chứng minh được đây là số tiền bà T trả vào tiền chơi hụi, nên việc bà T cho rằng đây là số tiền bà T chuyển trả cho bà Q trong khoản nợ 3.600.000.000đ là có căn cứ.

Xét thấy, các bên đều thừa nhận bà T có nợ bà Q số tiền 3.600.000.000 đồng theo 04 giấy nợ như bà Q khởi kiện; đồng thời có việc bà T chuyển khoản số tiền **5.320.200.000 đồng** cho bà Q đã được bà Q thừa nhận. Do đó, cần chấp nhận việc bà T đã trả nợ cho bà Q số tiền **3.600.000.000 đồng** theo 04 giấy nợ như bà Q yêu cầu, đồng thời bác một phần yêu cầu phản tố của bà T yêu cầu bà Q phải trả lại số tiền trả dư 3.420.200.000 đồng. *(trong đó có số tiền 1.700.000.000 đồng bà T cho rằng đã trả tiền mặt có chữ ký của bà Q. Xét thấy, toàn bộ tài liệu này là bản phô tô, bà T không xuất trình được bản gốc để đối chiếu, đồng thời bà Q cũng không thừa nhận khoản tiền này như lời khai của bà T. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã nhận định và không xem xét đối với yêu cầu này là có căn cứ)*. Đối với số tiền chuyển khoản có chứng minh qua các tài khoản sao kê tại các Ngân hàng thể hiện bà T đã chuyển cho bà Q tổng số tiền là 5.320.200.000 đồng. Theo bà T cho rằng đây là khoản tiền bà T chuyển cho bà Q để trả vào khoản nợ 3.600.000.000 đồng, số tiền chuyển trả dư  $(5.320.200.000đ - 3.600.000.000đ) = 1.720.200.000đ$  bà T phản tố yêu cầu bà Q phải trả lại cho bà T số tiền này. Bà Q thì cho rằng 5.320.200.000đ là tiền bà T chuyển cho bà Q để trả tiền chơi hụi. Thấy rằng, các bên có thừa nhận ngoài vay nợ thì bà T còn tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Q làm chủ, mặt khác quá trình chơi hụi các bên cũng chưa từng đối chiếu nợ với nhau, tại phiên tòa phúc thẩm bà Q cho rằng đến nay, bà T vẫn còn đang nợ tiền chơi hụi, ngoài ra bà Q còn nhiều lần cho bà T mượn tiền. Vì vậy, đối với số tiền 1.720.200.000đ chưa được xác định là trả tiền hụi hay trả cho khoản nợ nào do các bên chưa đối chiếu nợ với nhau, đây là tình tiết mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn số tiền 1.720.200.000đ.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng

cáo của bị đơn Đoàn Thị Kim T, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền bị đơn đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn là 3.600.000.000đ để bù trừ nghĩa vụ cho nguyên đơn.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu nguyên đơn phải trả cho bị đơn tổng số tiền là 3.420.200.000 đồng tiền trả dư (*trong đó có số tiền chuyển trả tiền mặt 1.700.000.000 không có chứng từ gốc và số tiền chuyển khoản qua các ngân hàng là 1.720.200.000đ*).

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Phan Như Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: trả lại số tiền bà Q đã nộp tạm ứng án phí là 52.000.000đ (*Năm mươi hai triệu đồng*) theo biên lai 0000894 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Bà Đoàn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là  $72.000.000đ + 2\% \times (3.420.200.000 - 2.000.000.000) = 100.404.000$  đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền đã đóng tạm ứng án phí thể hiện qua các biên lai số 0001300 ngày 17/5/2023 với số tiền 4.625.000đ, theo biên lai số 0001075 ngày 14/11/2022 với số tiền 48.352.000đ và 300.000 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0000067 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Do đó bà Đoàn Thị Kim T còn phải chịu tiếp tiền án phí là 47.127.000đ (*Bốn mươi bảy triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Bà Đoàn Thị Kim T không phải chịu chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị Kim T.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

#### **Tuyên xử:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184; Điều 200; Điều 202; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 280; 357; 463; 466; 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 148; Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**



[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022 của bà Phan Như Q về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T trả số tiền nợ 3.600.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn để bù trừ nghĩa vụ cho nguyên đơn số tiền (5.320.200.000đ – 3.600.000.000đ). Bị đơn bà Đoàn Thị Kim T đã thanh toán đủ.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị Kim T buộc bà Phan Như Q phải trả lại tổng số tiền đã trả dư là 3.420.200.000 đồng (*trong đó số tiền chuyển khoản là 1.720.200.000đ + khoản tiền đưa tiền mặt là 1.700.000.000đ*).

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Bà Phan Như Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trả lại cho bà Phan Như Q số tiền tạm ứng án phí của bà Phan Như Q là 52.000.000đ (*Năm mươi hai triệu đồng*) theo biên lai 0000894 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

- Bà Đoàn Thị Kim T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 100.404.000 đồng (*Một trăm triệu, bốn trăm linh bốn nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền đã đóng tạm ứng án phí là 52.977.000đ tại các biên lai số 0001300 ngày 17/5/2023 với số tiền 4.625.000đ và 48.352.000đ theo biên lai số 0001075 ngày 14/11/2022.

Bà Bà Đoàn Thị Kim T không phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn đồng). Theo biên lai số 0000067 ngày 07/10/2024, được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà T phải nộp.

Do đó bà Đoàn Thị Kim T còn phải chịu tiếp tiền án phí dân sự là 47.127.000đ (*Bốn mươi bảy triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

- Bà Đoàn Thị Kim T không phải chịu chi phí giám định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/3/2025).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thuận**